

Về bộ mộc bản Hồng môn hạnh ở chùa Hòe Nhai

ISSN: 2734-9195 08:50 08/09/2025

Vì vậy nếu cho Hồng môn hạnh là tác phẩm của Chân Nguyên Tuệ Đăng thì Đạt Na thái tử hạnh ít khả năng là của Chân Nguyên và ngược lại.

Tác giả: **NNC Phan Anh Dũng**

Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Tóm tắt: Bài viết tiếp tục khảo sát về tác phẩm Hồng môn hạnh trong số các tác phẩm chữ Nôm thế kỷ 17-18 mà mộc bản hiện được lưu giữ ở chùa Hòe Nhai Hà Nội.

Từ khóa: Hòe nhai, Hồng Phúc, Chân Nguyên, Hồng môn hạnh, Mộc bản, văn học chữ Nôm, thế kỷ 17.

1. Giới thiệu

Trước đây chúng tôi đã giới thiệu hai tác phẩm văn học chữ Nôm thế kỷ 17-18 nằm trong bộ ván lưu ở chùa Hòe Nhai Hà Nội, tên chữ là Hồng Phúc tự, đó là Lý sự dung thông của Thiền sư Minh Châu Hương Hải (1628-1715) và Đạt Na thái tử hạnh theo Giáo sư Lê Mạnh Thát là của Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647 - 1726). Ngoài ra ở chùa Hòe nhai hiện còn lưu hai bộ mộc bản tác phẩm chữ Nôm nữa là Hồng môn tạo hóa chư duyên bản hạnh thường được gọi ngắn gọn là Hồng môn hạnh và Giới thần bản hạnh (chỉ còn 1 ván), bài này chúng tôi xin giới thiệu tiếp về bộ mộc bản Hồng môn hạnh.

Tác phẩm Hồng môn hạnh đã được Giáo sư Lê Mạnh Thát (GS LMT) phiên khảo kỹ lưỡng trong Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng - Tập 2, nên trong bài viết này chúng chỉ tập trung khảo về mộc bản, văn bản và hệ thống từ cổ, ngoài ra có sửa phiên âm một số trường hợp cho sát nguyên bản Nôm hơn.

2. Về mộc bản Hồng mộng hạnh

Mộc bản Hồng mộng hạnh chùa Hòe Nhai hiện còn đầy đủ 7 ván, khắc cả 2 mặt nên tổng cộng có 14 tờ, mỗi tờ 2 trang, mỗi trang 8 dòng, mỗi dòng 14 chữ, khổ của khung in 19,5x27 cm . Thống kê cụ thể tình trạng từng ván như sau:

Ký hiệu ván	Tên sách	Mặt 1 (tờ số)	Mặt 2 (tờ số)	Tình trạng
314	Hồng mộng hạnh	3	4	Tương đối tốt
315	Hồng mộng hạnh	5	6	Tương đối tốt
313	Hồng mộng hạnh	1	2	Tương đối tốt
316	Hồng mộng hạnh	7	8	Tương đối tốt, tờ 8 có khuyết một ô vuông
318	Hồng mộng hạnh	10	14	hơi nứt
319	Hồng mộng hạnh	11	12	nứt
317	Hồng mộng hạnh	9	13	hơi nứt

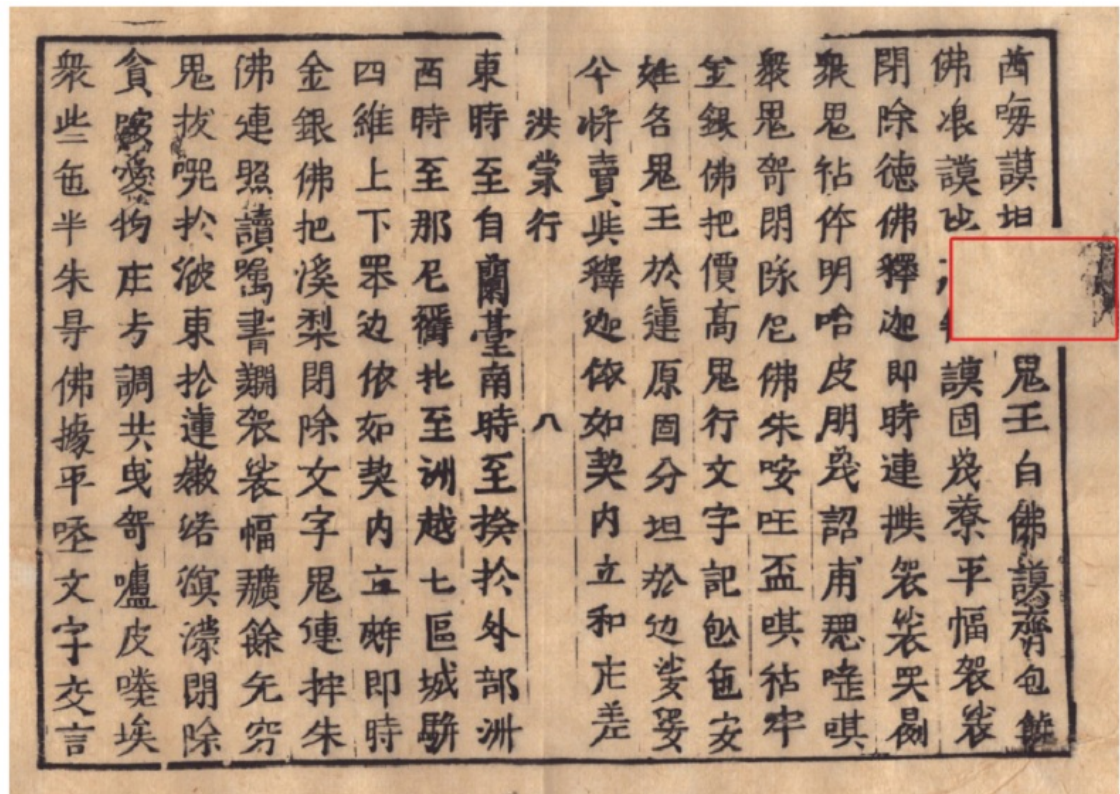
Đáng chú ý là ván khắc tờ 8 có một ô vuông khuyết, đó là dấu vết của một miếng gỗ ghép vào, thường là do phôi ván bị rối nên thợ đục bỏ rồi ghép một miếng gỗ vào và bào nhẵn để khắc chữ, tình trạng hiện tại là mẫu gỗ ghép đó bị mất nên chỗ đó thiếu đi vài chữ, xem ảnh ở dưới.

3. Về niên đại ván khắc và văn bản

Về sách in cả ba bộ Hồng mộng hạnh, Đạt Na thái tử hạnh và Lý sự dung thông được sư Giác Lâm chùa Hòe Nhai cho in và đóng chung thành một tập, hiện ở Viện Nghiên cứu Hán Nôm có hai bản in giống hệt nhau ký hiệu AB 322 và AB 374. Lý sự dung thông ngoài bản in của chùa Hòe Nhai nói trên còn có 2 bản in khác, một bản in từ ván lưu ở chùa Bồ Đề, một bản nằm trong bản in Nhất thời lễ tụng nhật dụng hành trì tập yếu chư nghi tàng bản ở chùa Yên Ninh (Trăm Gian) Hải Dương, vì vậy có thể thực hiện đối chiếu dị bản. Còn hai bản Hồng mộng hạnh, Đạt Na thái tử hạnh hiện chưa tìm thấy ở sách nào khác ngoài bản của chùa Hòe Nhai nên không thể tiến hành thao tác đối chiếu dị bản.



Ảnh mộc bản Hồng môn hạnh từ 8 (đã lật cho chữ thuận), có một ô khuyết.

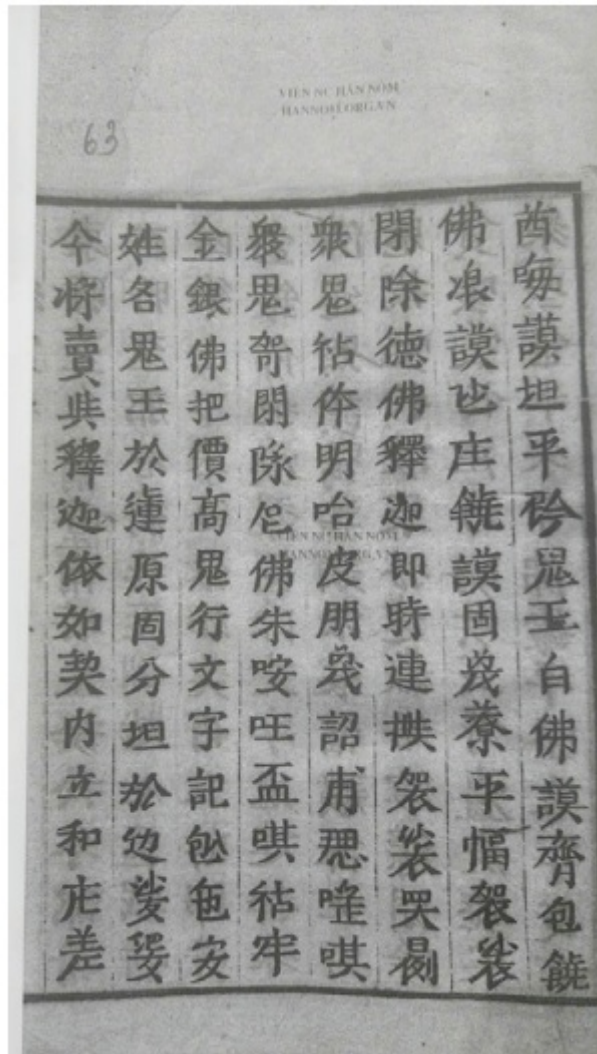


Ảnh bản rập lại mộc bản Hồng môn hạnh từ 8 của TTTLPG.

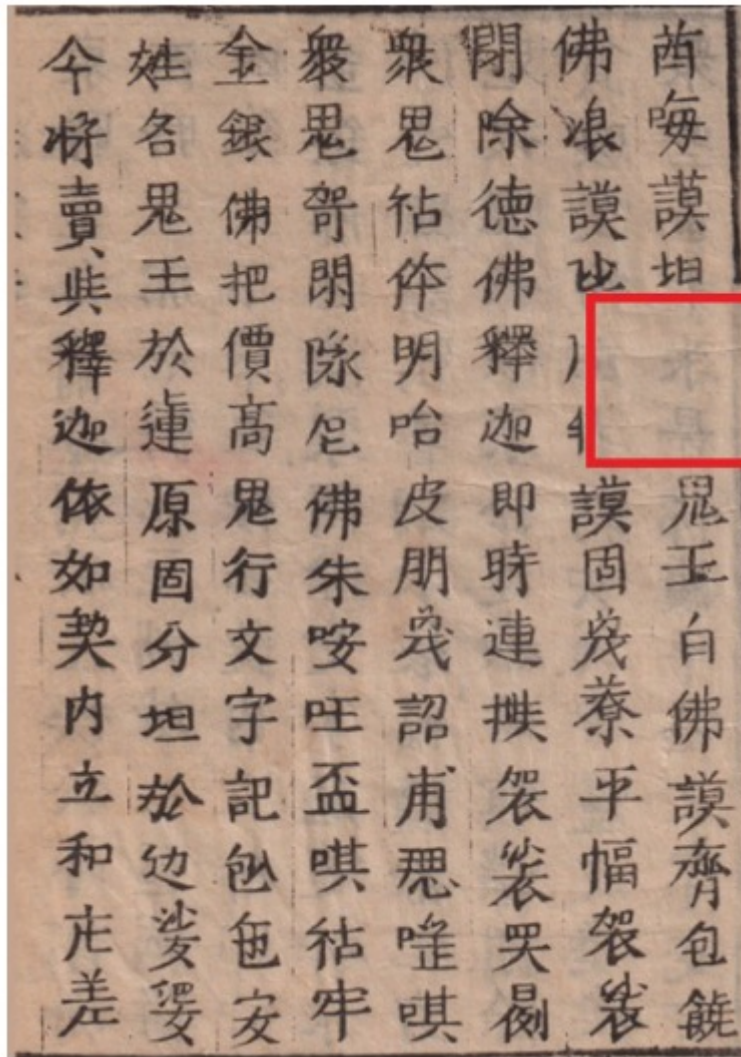
Trang cuối Đạt Na thái tử hạnh có dòng ghi rõ “Hoàng triều Minh Mạng thập cửu niên tuế thứ Mậu Tuất” tức có niên đại rõ ràng là năm 1838, còn trang cuối Hồng môn hạnh và Lý sự dung thông chỉ ghi chung chung là Hoàng triều Minh Mạng vạn vạn niên tức nằm trong khoảng 1821- 1840. GS Lê Mạnh Thát dựa vào kiểu chữ khắc và việc được đóng chung với Đạt Na thái tử hạnh nên cho rằng Hồng môn hạnh cũng được khắc không xa năm khắc Đạt Na thái tử hạnh

(1838).

Ban đầu chúng tôi tưởng bản in trong sách Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng của GS LMT là bản AB 374, nhưng xem lại thì bản AB 374 lưu ở Viện nghiên cứu Hán Nôm không bị khuyết chữ ở trang 8a, trong khi bản của GS LMT thì có khuyết, như vậy bản trong sách của GS LMT được in rập muộn về sau, khi mẫu gỗ ghép ở ván in tờ 8 đã bị mất:



Trang 8a bản AB 374, không bị khuyết chữ.



Trang 8a bản trong sách của GS LMT, bị khuyết chữ.

4. Về tác giả

GS Lê Mạnh Thát sau khi phân tích so sánh tỉ mỉ nội dung tư tưởng cũng như cách dùng từ và đặt câu với bản Nôm Thiền tông bản hạnh đã xác định là của Chân Nguyên Tuệ Đăng, đi đến kết luận là Hồng môn hạnh cũng là của Chân Nguyên Tuệ Đăng, và đưa vào sách Toàn tập Chân Nguyên Tuệ Đăng. Tuy nhiên chúng tôi thấy vẫn còn nghi vấn vì Chân Nguyên thường đưa tên mình vào ngay trong nội dung bản diễn Nôm, như như bản Nam Hải Quan âm bản hạnh ở trang 42b có câu tác giả tự nói về mình : “Hòa thượng Chính Giác hiền kinh”, Chính Giác cũng là một tên hiệu của Chân Nguyên Tuệ Đăng. Các học trò của Chân Nguyên cũng theo cung cách như thế, chẳng hạn bản Xuất gia sa di quốc âm thập giới, ngay câu đầu đã ghi rõ tên tác giả là Như Như tức Tổ Như Trừng Lân Giác: “Như Như vâng giáo Chân Nguyên. Diễn dương luật tạng lưu truyền lâu xa...”.

Nhưng trong nội dung Đạt Na thái tử hạnh và Hồng môn hạnh thì không thấy thể hiện tên tác giả kiểu đó, những đặc điểm dường như liên quan đến Chân

Nguyên Tuệ Đăng thì có thể giải thích như sau: khả năng chúng vốn đã có một bản “sơ thảo” do các tác giả vô danh nào đó khởi thảo, về sau được Chân Nguyên Tuệ Đăng chỉnh sửa phát triển thành các tác phẩm hoàn chỉnh. Tình trạng “tác giả tập thể” này cũng thấy ở nhiều bản truyện thơ Nôm khuyết danh khác.

Ngoài ra chúng tôi chú ý đến hai câu cuối:

Diễn dương cổ tích hóa sinh

Như sách diệu dụng sử kinh chép làm.

Nếu giả định Như Sách là một tên người thì câu văn vẫn có nghĩa, đó chính là tên người soạn bản Hồng mộng hạnh, mà hàng chữ Như là hàng đệ tử của thiền sư Chân Nguyên cũng phù hợp về niên đại, tuy nhiên tên Như Sách có vẻ lạ lùng khó có?

5. Sơ lược về nội dung văn bản:

Hồng mộng hạnh có cả thảy 410 câu thơ lục bát và một bài kệ tứ tuyệt chữ Hán.

GS Lê Mạnh Thát phân chia thành 5 đoạn như sau:

1. Câu 1-38 Chân Nguyên trình bày quá trình hình thành thế giới tự nhiên.
- 2.
3. Câu 39-188 mô tả sự ra đời của con người và diễn trình tiến hóa của xã hội loài người từ đời sống ăn lông ở lỗ đến một xã hội văn minh mà đỉnh cao là sự xuất hiện của ba đạo Nho, Lão và Phật.
- 4.
5. Câu 189-270 kể tích cây nêu, trình bày cuộc đấu tranh giữa Phật và quỷ vì quyền lợi của nhân dân, và cuối cùng, Phật - tức nhân dân - đã thắng, thu hồi được đất đai của mình.
- 6.
7. Câu 271-332 mô tả đời sống nông nghiệp mới với sự xuất hiện của trâu bò, chống lại hạn hán lụt lội, tạo nên một đời sống ấm no.
- 8.
9. Câu 330-410 ghi lại lời kêu gọi đời sống đạo đức bằng cách trả được bốn ơn nặng và tuân phục theo trật tự phong kiến để khỏi bị luân hồi vào những nơi khổ cực.

GS LMT nhận xét “Với cơ cấu như thế, nội dung của Hồng mộng hạnh rõ ràng nhằm tới việc trình bày một thế giới quan Phật giáo Việt Nam. Thế giới quan

này tuy chịu một quá trình Phật giáo hóa có ý đồ và chủ mưu, vẫn bộc lộ cái nhìn hết sức tích cực, về lịch sử hình thành và tiến hóa của thế giới tự nhiên và xã hội loài người...”.



Chùa Hòe Nhai - Ảnh: Minh Khang

Điểm thú vị đáng lưu ý là chuyện dân gian “cây nêu” của người Việt đã được Chân Nguyên đưa vào sách này, cũng là câu truyện dài nhất (chiếm 92 câu), từ đó GS Lê Mạnh Thát có nhận xét “... cho thấy liên hệ hỗ tương giữa dòng tư tưởng và thế giới quan của bộ phận trí thức phong kiến. Ngoài ra, trong tư cách là một tác phẩm của Chân Nguyên, Hồng mộng hạnh cũng phơi bày cho ta thấy quan hệ hỗ tương giữa thế giới quan Phật giáo và thế giới quan dân gian, con đường tiến hành thâm nhập lẫn nhau giữa hai thế giới quan đó, để kết nên một khối thống nhất chi phối đời sống tinh thần và văn hóa của cha ông ta thuở trước...”.

6. Vấn đề từ cổ và phiên âm

Chúng tôi thử lọc ra các từ cổ ở bản Hồng mộng hạnh:

Từ đơn: nhần (không có gì, sạch nhần); khôn (không, khó); phô (bọn); cốc (biết); nhần (đến); hòa (và, cùng); đồ (đặt, được); no (đủ)...

Từ kép: đòi ngày; vậy hòa; pho loài; một dường; mang mẽ; chơi vắn (chơi vầy); cả mọn (lớn nhỏ); đòi nơi; lộ bề; chữa thế (giúp thế); lù và; lạ song; mách dong; ỷ khôn; kê lê...

Đánh giá chung theo các từ cổ thì bản Nôm ứng với thời của Chân Nguyên Tuệ Đăng (cuối TK17 đầu TK18). Tuy nhiên khi thử so từ cổ với bản Đạt Na thái tử hạnh cũng được GS LMT xếp là của Chân Nguyên Tuệ Đăng thì chúng tôi thấy có chỗ sai biệt, đó là từ cổ ở bản Đạt Na thái tử hạnh có phần cổ hơn bản Hồng môn hạnh. Như từ cốc (nghĩa là biết) ở Hồng môn hạnh chỉ gặp một lần tỉ lệ 1 trên 410 câu, còn ở Đạt Na thái tử hạnh là 4 trên 934 câu, từ phô (là bọn, bầy) cũng chỉ gặp một lần tỉ lệ 1 trên 410 câu so với 3 trên 934 ở Đạt Na thái tử hạnh,... Ngoài ra ở Đạt Na thái tử hạnh còn gặp những từ cổ hơn lên đến TK 15-16 như bà ngựa, la đá, ca (ở), cong (trong), những từ này hoàn toàn vắng bóng trong Hồng môn hạnh, vì vậy nếu cho Hồng môn hạnh là tác phẩm của Chân Nguyên Tuệ Đăng thì Đạt Na thái tử hạnh ít khả năng là của Chân Nguyên và ngược lại.

Khi xem xét về cách viết chữ Nôm cũng thấy là bản Hồng môn hạnh có phần muộn hơn Đạt Na thái tử hạnh vì lối viết chữ Nôm phần nhiều đã dựa vào hình thanh như những bản văn cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, chẳng hạn, những chữ người, trước, nên, dài, thấy... đa số đều viết 𠂔, 𠂔, 𠂔, đôi khi cũng có chữ viết theo lối xưa như 𠂔, 𠂔. Có thể khi khắc in khoảng 1838 sư Giác Lâm đã viết lại theo lối mới, hoặc truyền bản đến tay sư Giác Lâm đã qua vài lần sao chép?

Trong bài giới thiệu bộ ván Đạt Na thái tử hạnh đã đăng Tạp chí Nghiên cứu Phật học chúng tôi cũng đã nêu nghi vấn đây không phải tác phẩm của Chân Nguyên, vì cụ Chân Nguyên hay đưa tên mình vào nội dung bản Nôm luôn, cả bản Hồng môn hạnh cũng không thấy Chân Nguyên ghi tên mình vào, nay phân tích từ cổ ở trên cho thấy nghi vấn Chân Nguyên không phải tác giả trực tiếp của hai bản Nôm này là có lý, hơn nữa hai bản Nôm chưa chắc do cùng một người sáng tác.

7. Phần phiên âm:

Dưới đây xin giới thiệu bản phiên âm của chúng tôi, các từ phiên khác GS Lê Mạnh Thát sẽ được in nghiêng. Các chú thích in đứng là dựa theo GS Lê Mạnh Thát và có lược bớt, còn các câu chú thích riêng của chúng tôi thì in nghiêng:

HỒNG MÔNG TẠO HÓA CHỮ DUYÊN BẢN HẠNH

Trải xem thuở trước hồng môn(2)

Hư vô nhất khí tượng cùng hỗn mang

Tam tài(3) thuở chữa phân trương

Kiếp đường bát ngát đời đường mệnh môn

Trời chưa có đất còn không

Người ta quạnh quẽ mịt mù dưới trên

Tự nhiên một khí nổi lên

Tỳ lư nhất trịch(4) bỗng liền hóa ra

Thon thon đường tợ trứng gà

10. Khí thanh khí trọc hợp hòa âm dương(5)

Tự nhiên chấn động khai trương

Mới có Bàn Cổ, Tam Hoàng tức phân(6) [1b]

Thiên tỷ, địa sữu, nhân dân(7)

Ba giờ khai tịch(8) linh thần đã an

Thái cực nhất khí chân nguyên(9)

Lưỡng nghi tứ tượng sanh nên muôn loài(10)

Thần cơ tạo hóa chẳng sai

Dựng ra núi cả sông dài bể sâu

Sơn xuyên thành thị đâu đâu

20. Phật tổ biến hóa phép màu ghê thay

Trời thiếu một góc bên tây(11)

Đất thì đã hiện bấy chầy mười phương

Nữ Oa(12) phép Phật oai cường

Đội đá lên đồ đất vuông trời tròn(13)

Tạo thiên lập địa đã ôn

Nhật nguyệt chưa có hãy còn nhẵn thay

Nhân vật cầm thú bấy chầy

Mở mắt làm ngày, nhắm(14) mắt làm đêm [2a]

Chửa có nhật nguyệt khôn xem

30. Bấy giờ Phật tổ hóa nên lạ lòng

Đại ngộ chân trí Phật dùng(15)

Lấy kim đúc nhật(16) sáng thông đời ngày

Ngân thì đúc nguyệt(17) bằng nay

Cùng tinh tú rày đêm thì sáng xông

Đặt có xuân hạ thu đông

Có năm có tháng ngày cùng giờ nay

Can chi lục giáp cho hay

Có đêm có ngày Phật tổ đã phân

Cùng thì một khí tinh thần

40. Người cùng trời đất có căn có hình

Trời cao khí có anh linh

Hai mươi bốn khí tượng tinh cần hào

Đất dày khí rộng mười bao

Hai mươi bốn hướng tượng hào khôn cung [2b]

Người là nhân đạo tại trung

Hai mươi bốn tiết tam đồng nhất nguyên(18)

Nhân vật cầm thú sanh nên

Cùng có tính Phật khí thiên hội đồng

Thiên cao địa hạ nhân trung

50. Phật thì ở chốn ngoài không thiên đình

Vận tuần Bụt lại giảng sinh

Trụ A sô Phật hiện hình người ta(19)

Hợp cùng tánh mẹ tánh cha
Phụ tinh, mẫu huyết giao hòa mới nên
Cùng thì một tính thiên nhiên
Âm dương luyện khí hư huyền hóa ra
Nhân vật cầm thú quỷ ma
Ở ăn làm một vậy hòa vui thay
Ăn lông nằm lỗ ở cây

60. Mùa đông bẻ lá kết may che mình [3a]

Hợp đoàn nhân vật quỷ tinh
Bắt nhau ăn thịt sát sinh bỏ thừa
Phô(20) loài cầm thú bấy giờ
Sinh ra nanh vuốt thi cơ mấy kỳ
Nằm thời ngủ ngáy phì phì
Dậy thì ông ổng hằm hì tranh phong(21)
Chưa biết giá thú vợ chồng
Khác chi cầm thú hỗn đồng biết ai
Chưa có quân thần quản cai

70. Quỷ ma nó bắt nào ai bệnh vì

Phật tổ quảng đại từ bi
Thương thiên hạ thì hóa phép thần thông
Hóa nên đèn các lầu rồng
Phật mới đúc thập nhị chung đặc đào(22)
Huyền chung cổ khánh(23) vui sao
Cùng Hàm trì nhạc(24) thấp cao mọi vì [3b]

Phật ngự thuyết pháp từ bi

Quỉ ma đại chúng qui y khâm thừa

Chẳng còn hỗn tạp như xưa

80. Vâng lời Phật dạy bấy giờ mới xong

Chưa có lúa thóc tầm bông

Bắt nhau ăn thịt tranh hùng khốn thay

Rập lá làm áo che rày

Phật tổ xem thấy thương thay cơ hàn

Hóa ra lúa bông chan chan

Cho chuột đem tán(25) thế gian xa gần

Chẳng ngờ cá kình bắt nhân

Đón ăn cướp mất xa gần còn không

Lý ngư can gián có lòng

90. Cá kình phàm tục bạo hung bấy chầy

Cá chép hóa rồng khi nay

Có lòng nhân đức Phật rày hóa cho [4a]

Cá kình độc dữ phàm phu

Moi ruột làm mồi đánh hò trả dân

Chuột đem lúa bông xa gần

Cho dân cày cấy dưỡng thân no lòng

Bông thời may áo ấm phong

Cho nên cái chuột kể công ăn càn

Lúa thời nó cắn đã tan

100. Bấy giờ thiên hạ thế gian lo lường

Tìm sang bạch Phật Tây phương
Rằng thì: “Chuột nó làm hoang cực nhiều”
Phật phán: “Tây phương có mèo
Đem về nó bắt nó trèo mọi nơi”
Bấy giờ chuột hải rụng rời
Đào hang hòa ẩn trốn đời mới yên
Con mèo xưa đã có duyên
Đã ở cùng Phật Tây Thiên tốt lành [4b]

Cho nên mao phát(26) tỉnh thanh

110. Thánh dựng làm bút sử kinh chép rày

Thiên hạ văn vũ liền tay
Cất bút thì ngậm(27) viết nay học hành
Mã Minh bồ tát hóa sinh
Nuôi tầm làm kén độ dân bấy chầy
Dựng làm lựa lãnh tốt thay
Bấy giờ thiên hạ đông tây an lòng
Phật hóa lúa thóc tầm bông
Làm ăn no ấm vợ chồng đến nay

Toại Hoàng(28) dựng ra bấy chầy

120. Cùng ông bồ tát hóa nay ra đời

Dùi cây lấy lửa hòa soi
Dạy dân nấu nướng mọi mùi ăn nay
Dân có tật bệnh khốn thay
Viêm Đế(29) bồ tát bấy chầy dựng ra [5a]

Thuốc thang cứu thế gần xa
Tiêu tan tật bệnh dân hòa khỏe thay
Chẳng còn ở lỗ ở cây
Chẳng còn bẻ lá kết may nữa nào
Chẳng còn theo thói Hữu Sào(30)
130. Ăn lông uống máu xông xao vô đồ
Phật lại phân ra chín khu(31)
Đặt có chúa tỵ(32) giữ cho một đường
Trên trời Đế Thích(33), Ngọc Hoàng
Dương gian âm giới phép thường thông tri
Đã an ba cõi mọi vì

Chưa ai dạy dỗ lễ nghi học hành
Chưa ai trừ quỷ cấm tinh
Chưa ai cứu độ tử sinh luân hồi
Tánh đường bọt nổi bèo trôi
140. Ai hay cốc được nên ngôi thánh thần [5b]
Phật dựng tam giáo độ nhân
Một cây bảo thọ linh thần ba chi(34)
Vốn nguyên đạo Phật từ bi
Suất đà thiên thượng(35) phân chi phát hành
Tịnh Quang bồ tát giáng sinh
Thác thân nước Lỗ dạy dân bấy chầy
Mồng bốn tháng năm bằng nay
Ngọ thì nửa ngày Khổng Tử giáng sinh

Năm rồng phun nước vây quanh

150. Phong lôi vũ bạo hiện hình hóa ra

Giáo Nho kinh sử gần xa

Chư bang thông hết vậy hòa đã yên

Từ Vệ phản Lỗ hoàn nguyên(36)

Tháng tư mười một sinh thiên lên trời

Ca Diếp bồ tát ra đời

Ở trong lòng mẹ đã ngoài tám mươi [6a]

Diệu Ngọc mang mẽ bào thai

Kể tám mươi mốt năm dài lâu thay

Ngày rằm tháng hai bằng nay

160. Thái thượng mở nách mẹ rày hóa sinh(37)

Tóc đầu mày bạc phân minh

Thái thượng hóa hình Đạo giáo thần thông

Bàn tay có chữ cửu long(38)

Bàn chân có chữ tứ tung ngũ hoành(39)

Lại có chữ quỷ buộc quanh

Đến đâu oai khí thần linh dậy đường

Môn đồ phép tắc oai cường

Trấn ngự thế giới bốn phương giữ giàng

Trừ tà diệt quỷ chư bang

170. Bất sinh bất diệt trợ thường vạn dân

Hộ Minh bồ tát hóa thân

Ra đời độ thế nhiều phần đã dư [6b]

Giáng sinh mồng tám tháng tư
Chín rồng phun nước gió mưa ùng ùng
Thích ca mười kiếp thành công
Cứu sinh độ tử lịch công nhà thiên
Ngày rằm tháng hai sinh thiên
Tịch diệt biến hóa hoàn nguyên bảo tòa
Ba đạo cây cội một nhà

180. Chi chi điệp điệp Hằng hà vô biên

Những người thiện học thất truyền
Ngõ là Nho giáo, Phật, Tiên khác dòng
Xem từ xưa phán hồng môn
Biết hay tạo hóa quan thông thượng thừa
Nho giáo đạo Thích bây giờ
Lập làm tự miếu phụng thờ linh tri
Thiên hạ kỳ đảo lễ nghi
Phật tiên thần thánh chứng thì hộ dân [7a]
Nay đoạn chúng ma quỷ thần

190. Qui y Phật đạo được phần doanh tây(40)

Phật ban phần đất cho rày
Gọi là sách đạo đời nay học đời
Thông thơ, Vạn bảo(41) xem coi
Ấy là sách đạo Phật trời quỷ ma
Bấy giờ an ổn cửa nhà
Quân thần tá sứ gần xa châu về

Phật tổ mở tiệc hội lễ(42)

Quỉ vương nó lại đến thì công dương(43)

Quỉ ở cùng Phật một đường

200. Quỉ cũng có phép oai cường ghê thay

Hung hăng xáo xác trêu thầy

Phật dựng làm hội quỉ rày đến chơi

Rủ nhau quỉ liên trêu người

Đem đồ công đức tanh hôi chơi vãn(44) [7b]

Phật hóa ra ngũ vị tân(45)

Lại đem cho quỉ uống ăn bấy chầy

Giống ấy hãy còn nhẩn nay

Khuyên bảo các thầy sãi vãi cùng kiêng

Phật phải liệu lường phân doanh

210. Lừa quỉ ra biển cho an cõi này

Quỉ có phần đất bấy chầy

Ai qua nó bắt khốn thay những là

Bắt về ăn thịt chẳng tha

Nhân vật cầm thú khôn qua đó rày

Phật tổ xem thấy thương thay

Dụ quỉ mua đất giúp rày dân ta

Bấy giờ đức Phật Thích ca

Lại dựng làm hội dụ hòa quỉ vương

Chúng quỉ nó đến công dương

220. Phật mới phán hỏi quỉ vương lời này: [8a]

“Tổ(46) hỏi mua đất bằng nay(47)”

Quỉ vương bạch Phật: “Mua tày bao nhiêu?”

Phật rằng: “Mua ít chẳng nhiều(48)

Mua có một lèo bằng bức cà sa”

Bấy giờ đức Phật Thích ca

Tức thì liền giũ cà sa ra rày

Chúng quỉ xem thấy mừng thay

Vừa bằng một chiếu vỗ tay reo cười

Chúng quỉ cả mọn đòi nơi

230. Phật cho ăn uống vui cười xem sao

Kim ngân Phật trả giá cao

Quỉ hành văn tự ký vào đũa yên

Tánh danh quỉ vương ở trên

Nguyên có phần đất ở bên sa bà

Kim tương mãi dữ Thích ca(49)

Y như khế nội lập hòa chẳng sai(50) [8b]

Đông thì đến tự Lan đài

Nam thì đến cõi ở ngoài

Bộ châu Tây thời đến Na ni cù

240. Bắc đến châu Việt thất khu thành biển(51)

Tứ duy thượng hạ bốn bên

Y như khế nội lập nên tức thì

Kim ngân Phật trả khê lê

Bấy giờ văn tự quỉ liền trao cho

Phật liền chiếu đọc chúc thư
Mở cà sa bức rộng dư vô cùng
Quĩ bạt ra ở biển đông
Ở trên non nước mệnh mông bấy giờ
Tham ăn ái vật chẳng ngờ

250. Điều cùng đại cả lộ bề sâu ai

Chúng ta đã bán cho người
Phật cứ bằng lời văn tự giao ngôn [9a]
Bây giờ mất đất ý khôn(52)

Ta vào bạch Bụt Thế Tôn ân cần:

“Tôi xin một năm một lần
Về viếng quê cũ đầu xuân ba ngày”

Phật phán nhủ quĩ rằng:
“Bay Tớ cho ba ngày đoạn lại hồi qui
Hể đâu nêu cấm chớ hề(53)

260. Thăng nào xông xáo diệt thì tan thân”

Phật sai đương nhiệm giữ rày
Đầu xuân thiên hạ xem nay cúng dường
Ấy tích nêu cấm một đường
Bảy ngày sẽ ngả(54) phép thường thiêng thay
Cùng ấn Bát nhã(55) hai tay
Vẽ trấn ngoài cửa phép rày thần thông
Tể Thiên Đại Thánh trông mong
Ngự Thủy Liêm động kéo xông xáo vào[9b]

Công ông Đại Thánh kể bao

270. Hộ thầy chữa(56) thế ai nào chẳng ơ

Thuở xưa có đất ruộng nương

Cỏ cây rậm rạp một đường khốn(57) thay

Trâu bò chưa có bừa cày

Ăn những hoa quả đòi ngày dưỡng thân

Phật tổ cứu độ vạn dân

Phán bảo đệ tử tu nhân hữu tình

Đông phương trâu bò hóa sinh

Đạo tràng ai chịu xuất hành ra đi

Dụ lấy trâu bò đem về

280. Cho dân làm ruộng khắp thì gần xa

Mặn thế trâu tuổi tác già

Sừng làm lù và(58) da bưng(59) trống nay

Đánh trống thổi lệnh lên rày

Phật thiên thần thánh giáng nay hộ trì [10a]

Công trâu(60) đức trọng kiêm tri

Thành bồ tát đạo từ bi vô cùng

Tái sinh làm vua Thần Nông

Nhân thân ngư thủ vì công độ người(61)

Cho nên cổ thánh tiền đời

290. Dạy dân mọi việc thừa nơi xa gần

Từ ấy chẳng còn khó khăn

Lúa thóc đẳng vật dưỡng thân no lòng

Cho nên lên đồng xuống đồng
Vạn dân kính tế Thần Nông thuận hòa
Đế Nghiêu trị vì quốc gia
Sinh con bất tiểu(62) trời hòa chẳng tây
Mười mặt trời mọc khôn thay
Giết hết lúa má người rày ở hang
Ngày nắng như đốt như rang
300. Đêm mới mát mẻ ra đường kiếm ăn [10b]
Phật tổ xem thấy thương dân
Cho Hậu Nghệ phép linh thần lạ song(63)
Bắn chín mặt trời tan không
Còn để một mặt sáng thông đời ngày
Người ta mới dám ra rày(64)
Làm ăn mát mẻ liền nay ở làng
Chẳng còn ở lỗ ở hang
Hễ là nắng nhạt(65) thế gian về nhà
Vua Thuấn đương trị quốc gia
310. Chưa ai lên rước dân hòa chữa an
Thị thời hồng thủy thao thiên(66)
Cầu hiền trị nước cho bền dân an
Triều đình văn vũ bá quan
Lên rước vua Thuấn trên ngàn Lịch sơn(67)
Cày voi vãi thóc chan chan
Vua về trị nước cho an thái bình [11a]

Nhà no người đủ hiển vinh

Ấy Phật xuất thế giảng sinh trị đời

Đêm mưa ngày nắng mọi nơi

320. Sông đôi dòng nước ngược xuôi thuận hòa

Vạn dân xướng thái bình ca

Vũ, Thang, Văn, Vũ kế hòa trị dân

Phật tổ hóa hiện vân vân

Tạo thiên lập địa sinh nhân bấy chầy

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây

Phật hóa đẳng vật ta rày dưỡng thân

Hễ là của mới thường tân(68)

Kính tin cúng trước mới nên thân người

Cho nên cổ thánh tiền đời

330. Lập làm chùa tượng mọi nơi cúng dường

Ngày rằm mồng một mọi làng

Thường cúng kỳ đảo đèn hương đời đời [11b]

Phàm tục ăn đông ở dài

Chẳng biết trời Bụt vô loài người ta

Quân trị sư giáo mẹ cha(69)

Tứ ân nghĩa trọng sinh ra ở đời

Xem cho biết Bụt biết trời

Vãng phục luân hồi mới đổ nhân thân(70)

Ai ai tu lấy cho cần

340. Kéo phải đọa lạc mất thân oan thù

Thế gian ai hòa chẳng(71) tu
Đệ nhất thế phát ở chùa cổ kiên
Tại gia trừ độc ở hiền
Tu nhân tích đức làm duyên cho nhiều
Hiếu trung hòa thuận mọi điều
Kính thượng niệm hạ thương yêu tôi đòi
Lòng tin kính đạo Bụt trời
Sinh tử luân hồi lại đổ nhân thân [12a]
Bụt trời định vị suy ân

350. Tu hành đức cả lên thiên nhân rày

Thiên cung một đêm một ngày
Dương gian bát bách niên tà đã phân(72)
Trời là thượng đế thiên ân
Ai ai là chẳng nên thân bởi trời
Đế Thích Ngọc Hoàng chánh ngôi
Ba mươi ba trời(73) diễn giáo chân kinh
Phật hư không thượng thiên đình
Không tức thị sắc, sắc thành thị không
Kinh rằng nhân Phật dữ đồng(74)

360. Thiên(75) sinh anh hùng nhân lại thành thiên(76)

Dầu ai biết được sự duyên
Tối thượng thừa thiên phép đại tiên ông(77)
Chớ còn lạc đạo mách dong(78)
Hủy báng Phật pháp bạo hung vô đồ [12b]

Gian tham độc dữ chẳng tu

Thác hoàn trả nợ cho no mọi nhà

Sinh làm nô tỳ lợn gà

Trâu bò voi ngựa thác hòa chẳng sai

Giết nhau ăn thịt đông dài

370. Tổ tiên cha mẹ nào ai biết gì

Oan gia quả báo liền chi(79)

Phật phải thuyết pháp từ bi bấy chầy

Lập làm giới luật cho hay

Ai hòa tu nhẫn thời rày hóa sinh

Những người mê đạo bất minh

Hủy báng Phật pháp ngục hình chẳng tha

Thiên phụ địa mẫu sinh ra(80)

Báo công đức ấy vậy hòa mới nên

Thuở xưa cổ thánh tiền hiền

380. Lấy đất làm tượng Phật thiên phụng thờ [13a]

Đồng mộc vốn nguyên đất xưa(81)

Cổ thánh tác lập phụng thờ mọi nơi

Phật là tâm địa tài bồi

Hóa sinh lại dưỡng mọi loài vật nhân

Những người báng Phật vong ân

Tội ấy nặng nợ ngàn cân đá chìm

Hóa ra muông cỏ vượn chim

Chẳng cho ở đất khôn tìm thấy ai

Nhân vì chẳng biết Bụt trời

390. Cho nên đọa lạc luân hồi mất thân

Dầu ai biết được thâm ân

Báo ân Phật tổ thời thân mới tuyền

Sinh tử sự đại hoàn nguyên

Thiên đường địa ngục nhãn tiền chẳng xa

Giải khuyên thế sự ta bà

Cho biết đạo chánh để hòa tu thân [13b]

Minh thời thoát hóa đăng vân

Mê sa địa ngục phi trần(82) khôn mong

Kinh này đạo pháp chánh công

400. Xem hòa nhãn nhục biết thông xa gần

Phật tổ hóa độ vật nhân

Tạo thiên lập địa đã phân an bày

Hương đăng phụng sự đời đời

Nho giáo, đạo Thích Như Lai di(83) truyền

Còn trời còn Bụt còn tiên

Còn non còn nước mọi duyên mọi còn

Thiên địa nhật nguyệt chẳng mòn

Nhân nhân kế vãng thời còn đạo minh

Diễn dương cổ tích hóa sinh(84)

410. Như sách diệu dụng sử kinh chép làm.(85)

Kệ vân: [14a]

Động tĩnh thâm tàng thủy triệu sơ

Huyền hoàng khô tạo vận thần cơ

Chân không chân sắc chân cao hậu

Thiên địa nhân tùng nhất thái hư.(86)



Mộc bản Hồng môn hạnh tờ cuối (số 14) đã lật ảnh cho chữ thuận.
Có dòng ghi niên đại Hoàng triều Minh Mạng vạn vạn niên, bản lưu ở
chùa Hồng Phúc, phường Hòe Nhai, huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức

Tác giả: **NNC Phan Anh Dũng** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025.

Chú thích:

(1) GS LMT ghi con số khác là 15x25 cm có lẽ là đo trên bản photocopy, không phải sách thực. Kích thước ván bề cao khoảng 20cm gần sát bề cao khung in, còn bề rộng thì dôi dư ra nhiều, thay đổi khác nhau trong khoảng 33-37cm.

(2) Hồng môn: to lớn mờ mịt.

(3) Tam tài: trời, đất và người.

(4) Tỳ-lư nhất trích: một giọt tỳ-lư, tức một giọt mặt trời, vì tỳ-lư là phiên âm chữ Vairocana, thường dịch là mặt trời.

(5) Trong Thiên văn huấn của Hoài nam tử nói: Đạo bắt đầu trong chỗ mịt mù, mịt mù sinh ra vũ trụ, vũ trụ sinh ra một khí tức một luồng hơi. Luồng

hơi trong nhẹ thì bằng bạc thành trời, luồng đục nặng thì ngưng tụ lại thành đất.

(6) Bàn Cổ: theo truyền thuyết xưa, là người đầu tiên của thế giới. Tam Hoàng: ba vị vua đầu tiên, là Thiên hoàng (vua trời), Địa hoàng (vua đất), và Nhân hoàng (vua người). Ý cả câu nói bấy giờ mới có đầy đủ Bàn Cổ và ba vị vua đầu tiên.

(7) Theo vũ trụ quan của Thiệu Ung thì sự hình thành và hoại diệt của thế giới là 1 nguyên chia ra 12 hội, hội đầu là hội tý trời sinh ra, đến hội sửu đất sinh ra, hội dần người sinh ra.

(8) Ba giờ khai tịch: ba giờ mở mang trời đất.

(9) Một luồng hơi của nguồn gốc đích thực ban đầu.

(10) Lưỡng nghi: do biến hóa bên trong sinh ra lưỡng nghi là âm và dương. Tứ tượng: hai luồng âm dương sinh ra bốn hiện tượng là kim, mộc, thủy, hỏa.

(11) Hoài nam tử nói: thời thượng cổ bầu trời ở hướng tây bắc, bốn góc bị sụt xuống, Nữ Oa phải luyện đá năm màu để vá trời và chặt chân con ngao để dựng 4 góc.

(12) Nữ Oa: Nhân vật thần thoại có khả năng đội đá vá trời.

(13) Đất vuông trời tròn: là quan điểm của Hoài nam tử trong thiên Tinh thần huấn.

(14) LMT: bịt. Nguyên bản khắc nhìn giống chữ bát 𠂔 nên LMT đọc ra bịt, nhưng có thể đó vốn là chữ nhập 𠂔 đọc ra nhấp hay nhấp. Hai chữ đó các sách in của VN thường khắc rất giống nhau khó phân biệt.

(15) Trí tuệ chân thật hoàn toàn giác ngộ do Phật ứng dụng.

(16) Lấy vàng đúc làm mặt trời.

(17) Lấy bạc đúc làm mặt trăng.

(18) Quả càn tượng trưng cho trời, mỗi năm chia 24 khí làm cơ sở cho 24 hướng của quả khôn, tượng trưng cho đất và 24 tiết của con người, thường có tên lập xuân, vũ thủy, kinh trập, xuân phân, thanh minh, cốc vũ... của mùa xuân; lập hạ... của mùa hè...

(19) A-sô Phật: tên vị Phật, phiên âm chữ Phạn Akṣ obhya, là không lay động. 4 câu 50-4 nói Phật ở ngoài vũ trụ, rồi đến lúc xuất hiện con người.

(20) *Phô*: nghĩa là bộn, lủ. GS LMT phiên pho là một âm cũng khả dĩ, chúng tôi phiên phô theo Từ điển chữ Nôm dẫn giải của Nguyễn Quang Hồng.

(21) *Ông ống*: om sòm; *tranh phong*: giành giật.

(22) *Đào*: là loại trống nhỏ.

(23) *Huyền chung cổ khánh*: treo chuông đánh khánh.

(24) *Hàm trì nhạc*: nhạc Hàm trì, tương truyền là do Hoàng đế tạo ra.

(25) *Tán*: vãi tung ra.

(26) *Mao phát*: lông tóc.

(27) *Cất bút thì ngậm*: trước khi viết, người ta thường thấm đầu bút trong miệng cho ướt rồi mới chấm mực.

(28) *Toại Hoàng*: vị vua đầu tiên tìm ra lửa.

(29) *Viêm đế*: vua Viêm, tức Thần Nông, tương truyền rằng đã tìm ra thuốc chữa bệnh cho mọi người. Nay còn cuốn dược liệu xưa nhất gọi là Thần Nông bản thảo.

(30) *Hữu Sào*: họ Hữu Sào, tức bộ tộc những người làm tổ trên cây mà sống, mà Bản kinh huấn của Hoài nam tử gọi là thời kỳ của họ Dung thành.

(31) *Chín khu*: tức chín châu; theo Đạo hình huấn của Hoài nam tử nói: giữa khoảng trời đất thì có 9 châu 8 hướng. 9 châu là Thần, Thứ, Nhung, Yểm, Ký, Thế, Bộ, Dương, Thai.

(32) *Chúa tỵ*: chúa tể và lãnh tỵ.

(33) *Đế Thích*: phiên âm chữ Phạn Sakrendra.

(34) *Một cây bấu* chia làm 3 nhánh thiêng liêng tức đạo Phật, Nho và Lão.

(35) *Suất-đà thiên thượng*: trên trời Suất-đà. Suất-đà, nói cho đủ là Đâu-suất-đà, phiên âm chữ Phạn là Tusita.

(36) Ý nói sau khi Khổng Tử đã từ nước Vệ về nước Lỗ, nơi nguyên quán Khổng Tử để dạy học rồi chết.

(37) Từ câu 155-60 ghi lại truyền thuyết về việc mẹ Lão Tử mang thai 81 năm, đi chơi đến dưới gốc cây lý, vỡ nách trái mà sinh ra Lão Tử, như Huyền diệu nội thiên đã chép và Sử ký chính nghĩa đã dẫn.

(38) *Cửu long*: theo truyền thuyết, Lão Tử ra đời, chỉ tay của bàn tay có chữ cửu long, tức chín rồng.

(39) *Dưới bàn chân có những chỉ kết thành chữ bốn dọc năm ngang*.

(40) *Được phần doanh tây: được phần làm riêng*.

(41) *Thông thư Vạn bảo*: *Thông thư*: tên cuốn sách do Chu Đôn Di soạn, trước gọi là *Dịch thông*, sau đổi là *Thông thư*, bàn về dịch lý; *Vạn bảo*: tên một cuốn sách về phép thuật của Đạo giáo, không rõ tác giả.

(42) *Hội lễ*: hội mở thường lệ.

(43) *Công dương*: nghênh ngang.

(44) *Chú ý chữ vân không ghi bằng chữ vận (𠂔) là xoay vần mà lại dùng chữ vận (𠂔) là âm vận, nên có khả năng đây là một biến âm của từ “vây” (quấy, vọc, vấy bẩn)*.

(45) *Ngũ vị tân*: năm loại gia vị, thường được kể là hành, hẹ, tỏi, nén, hưng cừ.

LMT phiên tạo. Nhưng xét nguyên bản Nôm viết chữ thoát nhìn giống chữ Hán từ 𠂔 nhưng nhìn kỹ thì thiếu 1 nét ngang ở dưới chứ không phải chữ từ 𠂔, có thể đây là một chữ Nôm, gồm thảo đầu 𠂔 trên chữ tứ 𠂔, vậy thì nên phiên là “tứ”, vì chữ “tứ” Nôm thường ghi bằng chữ tứ 𠂔 hay 𠂔. GS LMT còn đề xuất một cách đọc khác là “choa” nhưng cách đọc này có vẻ là giọng Trung-Nam không sát giọng Bắc.

(46) *Chữ trong ngoặc vuông vốn bị mất trên mộc bản của tờ 8, điền vào theo bản AB 374 ở Viện NC HN.*

(47) *Như chú thích trên.*

(48) *Nay đem bán cho Phật Thích-ca.*

(49) *Như trong tờ giao kèo không sai.*

(50) *Câu 237-40 nói đến những tên đất tưởng tượng. Lan đài*: tên một huyện xưa. *Bộ châu*, gọi đủ là *Nam Thiệm-bộ châu*, tức cõi *Diêm-phù* (Jambudvīpa) này. *Na-ni-cù* là *Aparagodānīya* thường dịch là *Tây Ngưu Hóa châu*, còn *châu Việt* là gọi tắt của chữ *Đan-việt* (Uttarakuru), thường dịch là *Bắc Câu-lô châu*.

(51) *Khê-lê*: rất nhiều.

(52) *Yở khôn*: không biết làm sao, khó được.

(53) Nêu: cây nêu, đây chỉ tích cây nêu theo truyền cổ Việt Nam.

(54) Ngả: tức hạ cây nêu xuống.

(55) Ấn Bát-nhã: là ấn trí tuệ, tạo ra bằng cách hai bàn tay ghép lại, hai ngón trở chỉ lên.

(56) Nguyên bản Nôm là chữ trợ 𠂔, LMT phiên theo nghĩa là giúp cũng thông, nhưng thực ra chữ trợ thường đọc Nôm là chữa, nghĩa rộng cũng là cứu giúp chứ không phải chỉ là “chữa bệnh” như ngày nay thường hiểu.

(57) LMT: khôn, có lẽ do người đánh máy sót dấu.

(58) Lù và tức cái tù và, từ này có trong Từ điển Việt Bồ La của A.D.Rhodes (1651), NXB Sông Hương, trang 243: “Chiếc tù và các nhà sư dùng để đi xin của bố thí”: Lù viết bằng chữ lộ 𠂔, LMT đọc ra “lọ và”, giải thích là cái lọ và cái tù và.

UÀ, LÙ VÀ: Chiếc tù và các nhà sư dùng để đi xin của bố thí.

(59) LMT phiên ra “bằng”.

(60) LMT phiên “sâu”, không đúng vì đây đang nói về loài trâu, có công nên sau được hóa thân làm vua Thần Nông, vị vua này theo truyền thuyết có mình người đầu trâu.

(61) Có thân người đầu trâu vì có công giúp người.

(62) Bất tiểu: không xứng đáng. Vì vua Nghiêu sinh con không tốt, nên truyền ngôi cho Thuấn.

(63) Chuyện 10 mặt trời, Hậu Nghệ bắn 9 chỉ còn 1 trong thiên Bản kinh huấn của Hoài nam tử.

(64) LMT: cày.

(65) LMT: năng tắt. Nguyên bản nôm viết bộ hỏa bên chữ phát (𠂔 + 𠂔) chúng tôi cho là một cách ghi của từ cổ m-lạt hay p-lat (lạt, hạt).

(66) Bấy giờ nước ngập đầy trời. Đây là tích hồng thủy ghi trong Hoài nam tử.

(67) Lịch sơn: núi Lịch, nơi vua Thuấn cày ruộng.

(68) Cửa mới thường tân: cửa mới đầu mùa.

- (69) Vua trị nước, thầy dạy dỗ, cha mẹ sinh thành.
- (70) Luân hồi lui tới mới được thân người.
- (71) LMT “chẳng”, chúng tôi phiên “chăng” vì câu có sắc thái giả thiết.
- (72) Theo truyền thuyết nói, 1 ngày 1 đêm ở trên trời bằng 800 năm ở dương gian.
- (73) Ba mươi ba trời: tên một cõi trời ở tại đỉnh núi Tu-di. Theo Vũ trụ quan Phật giáo thì đây là nơi đức Phật thường thuyết pháp. Cũng có tên là cõi trời Đao-lợi.
- (74) Kinh nói, người và Phật có cùng một bản tánh như nhau.
- (75) LMT: thiện, có lẽ đánh máy nhầm dấu.
- (76) Trời sinh anh hùng, người đó lại trở thành trời.
- (77) Nếu ai biết được điều ấy, tức người trở thành trời, là đã đạt được phép thiền tối thượng thừa của Đại tiên.
- (78) Chớ còn đi làm đường và ăn nói dông dài, mách nghĩa như trong từ “ngồi lê đôi mách”.
- (79) Những kẻ oán thù với nhau tìm cách trả oán liền trong giây phút.
- (80) Cha là trời, đất là mẹ sinh ra con người.
- (81) Kim loại và cây để làm tượng Phật, vốn xưa cũng do đất tạo ra.
- (82) Phi trần: mang bụi nhơ bẩn.
- (83) LMT : dối.
- (84) Nêu tả ra đây chuyện xưa về sự hóa sinh.
- (85) Như sách này đã khéo dùng những tài liệu từ kinh điển và sử liệu viết ra.
- (86) Động tĩnh che sâu mối thưở xưa
- Máy thiêng chuyển dựng cõi mộng mờ
- Cao dày ấy thực chân không sắc
- Trời đất người từ một thái hư.